



Tác động của khai thác khoáng sản đến đời sống kinh tế xã hội cộng đồng dân cư tại các huyện miền Tây Nghệ An

Lê Văn Hương

Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chấp nhận đăng: 20 - 9 - 2015

ABSTRACT

Impacts of mineral resources exploitation on socio-economic development of local communities in Western districts, Nghe An province

Western districts, Nghe An province make up 83% total area and 37% total population of whole province. There are many mineral resources in this region such as: gold, gemstone, manganese, white stone, tin, basalt. At present, there are 161 exploitation areas and 131 mineral exploitable companies (main kinds of minerals which have exploited are tin, white stone, gold, gemstone). Although mineral exploitation activities not only have contributed more to local budget but also have given jobs for local people, they have not had positive impacts on local communities in some aspects, such as: jobs for local labour lack, local infrastructures are downgraded, risks of poverty and injury rise, participation and speech of local people are limited. All above issues need having sensible solutions aiming at maintaining effective mineral exploitation and ensuring long-time benefits for local communities and whole country.

©2015 Vietnam Academy of Science and Technology

1. Mở đầu

Nghệ An là tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú, phân bố tập trung ở các huyện miền tây: Quỳnh Hợp, Quỳnh Phong, Quỳnh Châu, Tương Dương, Nghĩa Đàn, Kỳ Sơn. Trong những năm vừa qua, ngành khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tương đối phát triển góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, giúp tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động, đồng thời góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của tỉnh. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là ngành công nghiệp khai thác khoáng sản có thực sự đóng góp cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội hay không,

nhất là đối với cộng đồng dân cư địa phương? Bài báo này trình bày kết quả điều tra nghiên cứu về hiện trạng khai thác khoáng sản và những tác động của hoạt động này đối với đời sống kinh tế xã hội của cộng đồng dân cư miền Tây Nghệ An trong những năm gần đây nhằm làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp phát triển bền vững kinh tế - xã hội của khu vực này.

2. Cơ sở tài liệu và phương pháp nghiên cứu

Tài liệu thứ cấp được thu thập bao gồm các báo cáo, quy hoạch, thống kê của các cơ quan ban ngành tỉnh Nghệ An: Ủy ban Nhân dân tỉnh, sở Tài nguyên và Môi trường, sở Công thương, sở Lao động Thương binh và Xã hội, Cục thống kê; các văn bản, báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của các huyện và xã nghiên cứu. Những thông tin này được tổng hợp, xử lý và phân tích các nội dung liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Tài liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra, khảo sát thực địa tại các huyện Anh Sơn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp. Đề tài đã xây dựng hai mẫu phiếu điều tra xã hội học để phỏng vấn cộng đồng địa phương và cán bộ chính quyền địa phương. Việc thực hiện phỏng vấn được tiến hành với 300 cá nhân đại diện cho các hộ gia đình thuộc 5 xã: Hội Sơn (Anh Sơn), Châu Hạnh, Châu Tiến (Quỳnh Châu), Châu Hồng, Châu Cường (Quỳnh Hợp), 10 phiếu dành cho các cán bộ, chính quyền các xã có liên quan. Thông tin thu thập từ các cuộc phỏng vấn theo bảng hỏi được thống kê, phân loại và phân tích theo chương trình Excel và phần mềm SPSS. Các số liệu phân tích rút ra từ các phép toán và so sánh để đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất hạ tầng của địa phương, mối quan hệ giữa khai thác khoáng sản với môi trường, đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương, sự tiếp cận của cộng đồng địa phương đối với ngành công nghiệp khai thác khoáng sản.

Các thông tin thu thập từ phỏng vấn sâu và từ các tài liệu được sử dụng để minh họa cho các nhận định về kết quả phân tích thống kê.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát chung khu vực nghiên cứu

Miền tây Nghệ An (gồm 10 huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Thanh Chương, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong và thị xã Thái Hòa) có diện tích tự nhiên 13.709km², chiếm 83% tổng diện tích toàn tỉnh. Toàn khu vực có 216 xã, thị trấn trong đó có 27 xã giáp biên giới Việt - Lào, 80 xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135. Dân số các huyện miền tây chiếm gần 37% dân số toàn tỉnh (Cục thống kê Nghệ An, 2013). Hiện nay có 7 dân tộc cùng chung sống trên địa bàn các huyện này gồm Thái, Thổ, Kơ Mú, Mông, Đan Lai, Ô đù và Kinh. Đời sống cộng đồng các dân tộc ở đây còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo cao, chiếm 40,16% (theo chuẩn mới), cao nhất là các huyện Kỳ Sơn 76%, Tương Dương 60,13%, Con Cuông 50,07%, Quỳnh Châu 52,81%, Quế Phong 59,51%.

Đây là khu vực giàu tiềm năng tài nguyên khoáng sản của Nghệ An (Sở TNMT, 1994, 2006; Sở Công thương Nghệ An, 2009), gồm các nhóm và loại khoáng sản chính như sau:

- Thiếc: là nguồn khoáng sản quan trọng của tỉnh Nghệ An. Cho đến nay đã có nhiều điểm thiếc gốc và sa khoáng được phát hiện. Hiện nay có 11 mỏ và 6 điểm khoáng sản thiếc có giá trị thuộc 2 loại hình là thiếc sa khoáng và thiếc gốc. Tổng trữ lượng các mỏ thiếc thống kê cho đến nay ở cấp B+C₁+C₂ là 7.390 tấn thiếc, 45.870 tấn casiterit; tài nguyên dự báo cấp P là 53.000 tấn thiếc, 950 tấn casiterit tập trung tại Quỳnh Hợp, Tân Kỳ và Quế Phong.

- Vàng, bạc: có 6 mỏ, 4 điểm và 2 biểu hiện khoáng sản vàng. Hầu hết các mỏ và điểm khoáng sản đều đã được tìm kiếm sơ bộ hoặc tìm kiếm đánh giá. Tổng trữ lượng cấp C₁+C₂ là 1.014kg vàng, 2.448kg bạc; tài nguyên dự báo cấp P là 17.000kg vàng, 5.100kg bạc. Vàng phân bố tập trung chủ yếu ở khu vực Tương Dương, Con Cuông và rải rác ở Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp.

- Đá hoa trắng: Trên địa bàn nghiên cứu, đá hoa trắng được phát hiện và khoanh định chủ yếu ở khu vực Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, gồm: 70 thân khoáng đá hoa trắng có tài nguyên dự báo 261.471,3 ngàn tấn, 10 thân khoáng đá vôi dolomit có tài nguyên dự báo còn lại 22.235,1 ngàn tấn và 10 thân khoáng đá dolomit trắng có tài nguyên dự báo 25.449,3 ngàn tấn. Cả 3 loại trên có tổng tài nguyên dự báo còn lại là 309.155,7 ngàn tấn (Sở TNMT, 2006).

- Đá quý và bán quý có triển vọng và quy mô khá lớn, phân bố tập trung chủ yếu ở khu vực giáp ranh giữa các huyện Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp và Tân Kỳ. Tổng hợp các tài liệu khảo sát, tìm kiếm đánh giá đã ghi nhận có 2 mỏ, 12 điểm, biểu hiện khoáng sản. Tổng trữ lượng cấp C₂ là 2.871kg (bao gồm cả corindon, ruby và saphir), tài nguyên dự báo cấp P là 69.680kg (corindon, ruby và saphir), 493.000kg spinel, 136.000kg granat (Sở TNMT, 2006).

- Đá ốp lát: Tiềm năng đá ốp lát của tỉnh khá nhiều, nhất là đối với các loại đá magma có thành phần granit, ryolit, gabro, đá hoa và đá vôi có màu sắc đẹp. Một số điểm theo khảo sát bước đầu cho thấy có khả năng đạt yêu cầu đá ốp lát. Nên đầu tư điều tra theo hướng này đối với một số khối lớn, thuận tiện khai thác và vận chuyển như ở Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Anh Sơn, Con Cuông.

Với tiềm năng khoáng sản sẵn có, các hoạt động thăm dò khai thác khoáng sản trên địa bàn các huyện miền Tây Nghệ An đã diễn ra từ nhiều năm nay. Tuy nhiên, chỉ sau khi Luật Khoáng sản 2010 có hiệu lực đến nay, các hoạt động thăm dò khai thác khoáng sản mới được từng bước chấn chỉnh và bước đầu được các ngành chức năng quản lý thống nhất.

3.2. Hiện trạng khai thác

3.2.1. Thực trạng cấp phép

Dựa vào các tài liệu, các báo cáo và các nghiên cứu thu thập được cũng như kết quả điều tra năm 2014, chúng tôi thống kê được trên địa bàn các huyện miền tây Nghệ An hiện nay có 161 điểm khai thác khoáng sản với 131 đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản. Đây là khu vực có số lượng giấy phép khai thác khoáng sản khá lớn được cấp cho các doanh nghiệp trong những năm vừa qua. Đến cuối năm 2013, trên địa bàn các huyện nghiên cứu đã có 224 giấy phép khai thác khoáng sản được cấp (bảng 1) trong đó chỉ có 12 doanh nghiệp được cấp phép dài hạn. Số còn lại được cấp phép cho các mỏ nhỏ hoặc rất nhỏ, có thời hạn được cấp phép hoạt động ngắn hạn trong khoảng 3-5 năm. Các loại hình doanh nghiệp được cấp phép khá đa dạng, gồm doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp liên doanh nước ngoài, công ty cổ phần, công ty TNHH, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân.

Bảng 1. Số lượng giấy phép được cấp theo loại hình khoáng sản (Sở TNMT, 2014)

TT	Loại hình khoáng sản	Số giấy phép khai thác
1	Đá hoa, đá vôi	25
2	Đá XD thông thường và đá ốp lát	92
3	Đá basalt	7
4	Chì, kẽm	12
5	Sắt nâu	17
6	Mangan	9
7	Thiếc	42
8	Vàng	20
9	Tổng cộng	224

Các hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản tập trung chủ yếu trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quỳnh Phong và Tương Dương. Riêng các cơ sở nghiền mịn và siêu mịn đá hoa trắng tập trung phần lớn tại khu vực Quỳnh Hợp.

Bên cạnh các các doanh nghiệp được cấp phép, những năm vừa qua tình trạng khai thác khoáng

sản trái phép đều xảy ra ở hầu hết trên địa bàn các huyện có khoáng sản, tập trung vào những loại khoáng sản có giá trị trên thị trường như vàng, thiếc, đá hoa trắng, đá xây dựng,... Đặc biệt, một số mỏ được cấp giấy phép khai thác là đá xây dựng nhưng lại khai thác sản phẩm đá trắng, đá khối, đá xẻ trang trí, thậm chí có mỏ giấy phép là khai thác đá xây dựng nhưng lại khai thác thiếc,... Tại huyện Quỳnh Hợp, trong tổng số 85 điểm mỏ khai thác đá cấp phép, chỉ có 6 điểm mỏ của 6 công ty có giấy phép khai thác đá hoa trắng, số còn lại đang khai thác chế biến đá trắng nhưng lại cấp phép là đá xây dựng (UBND huyện Quỳnh Hợp, 2014).

Việc cấp phép ồ ạt cộng với việc khai thác khoáng sản trái phép và không có tổ chức, sử dụng mìn buông, nổ ộp (trong khai thác đá), hoặc khai thác dạng hàm ếch, giếng (khai thác thiếc) dẫn đến nguy cơ mất an toàn lao động, gây thất thoát lớn tài nguyên khoáng sản. Trong 3 năm từ 2011 đến năm 2013, trên địa bàn các huyện miền Tây Nghệ An đã có 13 doanh nghiệp khai thác khoáng sản bị đình chỉ hoạt động, 10 doanh nghiệp bị xử phạt. Lực lượng Cảnh sát môi trường cũng đã phối hợp với các lực lượng chức năng xử lý 25 vụ, 47 cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản, ra quyết định xử phạt hành chính trên 500 triệu đồng (Sở TNMT, 2013).

3.2.2. Hiện trạng khai thác một số khoáng sản chính

Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản tại các huyện miền Tây Nghệ An tập trung chủ yếu vào một số loại khoáng sản như sau:

Đá hoa trắng: Các thân quặng đá hoa trắng, kết tinh mịn thường nằm dưới các thung treo có chứa thiếc, chì và kẽm, vì vậy việc khai thác đá trắng thường cũng được kết hợp thu hồi các sản phẩm này. Tổng diện tích đã được cấp phép thăm dò khai thác đến 31/12/2013 chiếm khoảng 310 ha. Sản phẩm chủ yếu là đá hộc, đá block, đá ốp lát hoặc bột đá.

Do tính chất đan xen của tài nguyên và điều kiện điều tra địa chất không đầy đủ, các cơ sở khai thác đá hoa trắng thường tiến hành sản xuất phối hợp đồng thời cả 3 nhóm sản phẩm, gồm đá bloc, đá tạc tượng, đá nguyên liệu để xay nghiền bột đá trắng, đá vật liệu xây dựng thông thường... Ngoài

Liên doanh Việt Nhật YABASHI, các cơ sở chế biến nghiền chủ yếu thu mua nguyên liệu để sản xuất và tập trung ở tiểu khu công nghiệp Thung Khuộc - thị trấn Quỳnh Hợp và rải rác ở trên các trục đường đi vào mỏ.

Kết quả khảo sát cho thấy sản lượng khai thác đá hoa trắng của các doanh nghiệp đã tăng lên đáng kể qua các năm. Năm 2013, các doanh nghiệp hoạt động khai thác và sơ chế đá hoa trắng đã đạt kết quả: 59.216m³ đá hộc, 101.643 tấn bột đá trắng, 81.653 tấn đá granito và 123.675m² đá ốp lát. Tuy nhiên kết quả này vẫn còn khá khiêm tốn (khoảng 3,5%) so với trữ lượng thăm dò đá hoa trắng ở Nghệ An (UBND tỉnh Nghệ An, 2004; Sở TNMT, 2006).

Khai thác, chế biến thiếc: những năm trước đây, trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp có khoảng 21 tổ hợp tổ chức khai thác quặng thiếc tại 24 điểm mỏ. Cho đến nay đã có 256,3 ha diện tích được cấp phép thăm dò khai thác, tập trung tại Quỳnh Hợp và Tân Kỳ. Hoạt động khai thác chế biến thiếc ở đây chủ yếu do các doanh nghiệp lớn triển khai như Công ty TNHH Nhà nước MTV KLM Nghệ Tĩnh, Công ty Cổ phần kim loại màu Nghệ Tĩnh, Xí nghiệp liên hợp thiếc Quỳnh Hợp. Trên địa bàn hiện có ba cơ sở luyện thiếc kim loại có tổng công suất thiết kế khoảng 2.500 tấn/năm với sản lượng thiếc tinh luyện hàng năm đạt khoảng 1.200 tấn/năm. Các cơ sở sản xuất còn lại tiêu thụ sản phẩm dưới dạng quặng tinh hoặc thuê gia công nấu luyện thành thiếc kim loại để xuất khẩu. Tuy nhiên, hiện tượng khai thác, đào đãi trái phép quặng thiếc vẫn thường xuyên xảy ra, gây nên nhiều bất cập trong công tác quản lý, tổ chức khai thác kinh doanh, trật tự trị an và gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Chỉ tính riêng năm 2014, đoàn kiểm tra liên ngành huyện Quỳnh Hợp đã tổ chức 40 đợt kiểm tra đối với 57 trường hợp khai thác thiếc, tạm giữ 5 máy xúc, 4 máy nổ, 200kg quặng thiếc, xử lý 6 trường hợp vận chuyển quặng thiếc ra ngoài địa bàn huyện không lập hóa đơn (UBND huyện Quỳnh Hợp, 2015).

Khai thác quặng sắt, sắt - man gan: tập trung ở Quỳnh Hợp, Anh Sơn, Tân Kỳ, chủ yếu để cung cấp cho các nhà máy xi măng làm trợ dung và có một lượng nhỏ xuất khẩu dưới dạng quặng cục. Phương pháp khai thác chọn lọc lộ thiên, bán cơ giới kết hợp với thủ công với sản lượng đạt khoảng 20.000 tấn/năm. Những điểm mỏ này không nằm

trong quy hoạch khai thác quặng sắt của Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và được quyền tiêu thụ dưới dạng quặng thô.

Vàng và đá quý: vàng ở Nghệ An được tổ chức khai thác chủ yếu dưới dạng vàng sa khoáng, tập trung ở hai huyện Quỳnh Châu và Tương Dương, theo dọc sông Hiếu và Sông Cả. Do thiếu nhiều tài liệu điều tra thăm dò địa chất, công tác khai thác vàng thường được tiến hành theo kinh nghiệm và phát hiện của dân, nên phát triển không ổn định, có nhiều rủi ro và không có điều kiện thực hiện các quy định về kỹ thuật an toàn khai thác và bảo vệ tài nguyên. Riêng khai thác đá quý tại Quỳnh Châu, sau giai đoạn bùng nổ vào đầu những năm 1990, đến nay đã lắng xuống. Gần đây cũng với sự sắp xếp lại các công ty khai thác và chế tác đá quý của Trung ương và địa phương, trên địa bàn chỉ còn một Công ty đá quý Hà Nội hoạt động tại khu vực Đồi Tỷ. Đá quý chủ yếu tiêu thụ dưới dạng thô, chưa qua chế tác, một phần do thị trường tiêu thụ hàng mài còn hạn hẹp, phần khác còn do công nghệ chế tác, thăm định chất lượng đá quý, nhất là công đoạn xử lý nhiệt và giám định chất lượng còn kém phát triển. Vì vậy hiệu quả kinh tế xã hội của việc khai thác và kinh doanh đá quý không cao.

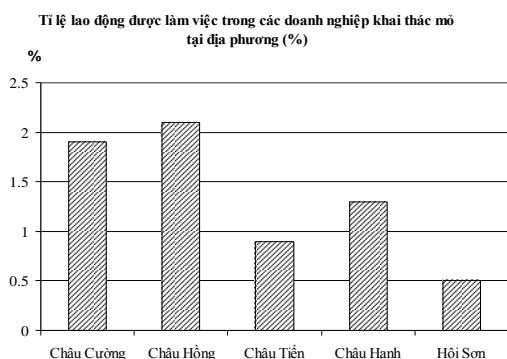
3.3. Tác động kinh tế - xã hội

Về lý thuyết, dự án khai thác khoáng sản sẽ trực tiếp góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống người dân vùng mỏ thông qua tạo cơ hội việc làm với thu nhập cao hơn phần lớn các loại việc làm khác trong vùng. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, liên lạc, điện, nước cũng có thể được đầu tư xây dựng nhằm phục vụ cho hoạt động khai thác. Các hoạt động kinh tế khác như cung cấp dịch vụ, chế biến cũng có cơ hội phát triển, kéo theo sự phát triển chung của vùng (Pegg, S., 2003). Như vậy, nhìn chung người dân địa phương có thể trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ hoạt động khai khoáng thông qua lao động việc làm, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc từ sự phát triển của các hoạt động kinh tế có liên quan. Tuy nhiên, kết quả điều tra, khảo sát của nhóm nghiên cứu tại 5 xã thuộc 3 huyện Anh Sơn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp cho thấy kết quả khác: cuộc sống của người dân nơi có hoạt động khai thác mỏ thường khó khăn và bất ổn hơn so với các vùng khác.

3.3.1. Vấn đề giải quyết việc làm cho dân cư địa phương

Mặc dù được kỳ vọng sẽ tạo công ăn, việc làm cho người dân địa phương và qua đó sẽ góp phần

xóa đói, giảm nghèo nhưng thực tế tại các điểm khảo sát cho thấy khai khoáng không tạo công ăn việc làm (hoặc tạo việc làm nhưng thu nhập thấp, không ổn định) cho người dân địa phương. Tại huyện Quỳnh Hợp, hoạt động khai thác mỏ có thời điểm đã tạo việc làm cho khoảng 4.000 lao động với mức lương 1,5 - 3 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, hầu hết những người làm công trong các doanh nghiệp ở đây đều đến từ địa phương khác, lao động địa phương rất ít. Tại thời điểm khảo sát, mặc dù có tới 69 doanh nghiệp tham gia khai thác mỏ tại các xã Châu Cường, Châu Hồng (Quỳnh Hợp), Châu Tiên, Châu Hạnh (Quỳnh Châu), Hội Sơn (Anh Sơn) nhưng số lao động địa phương được làm việc cho các mỏ chỉ chiếm từ tỷ lệ 0, 5% đến 2,1% số người trong độ tuổi lao động của các xã (hình 1). Điều này đã không mang lại tác động thực sự rõ nét đối với chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp của hộ gia đình. Hiện nay, sinh kế chính của các hộ dân tại địa bàn nghiên cứu vẫn là nông - lâm nghiệp (trồng lúa, làm nương, trồng và bảo vệ rừng, chăn nuôi gia súc và gia cầm), trong đó 44,3% số hộ được phỏng vấn có từ ba hoạt động sinh kế trở lên, 19,3% số hộ chỉ có một loại sinh kế, 36,3% số hộ chỉ có hai loại sinh kế. Từ khi có hoạt động khoáng sản tại địa phương tuy đã có chuyển biến về cơ cấu nghề nghiệp của các hộ gia đình nhưng không nhiều. Trong tổng số 300 hộ được phỏng vấn, chỉ có 9,3% số hộ cho rằng gia đình họ có thêm nghề (công nhân khai thác mỏ, mót quặng,...), không có hộ nào chuyển hẳn nghề sang khai thác, chế biến khoáng sản. Do không có sự thay đổi lớn về cơ cấu nghề nghiệp nên cơ cấu thu nhập của các hộ cũng ít biến đổi. Trong số 28 hộ có tham gia hoạt động khoáng sản, thu nhập từ hoạt động này cũng chỉ chiếm từ 22% đến 25% tổng thu nhập của hộ.



Hình 1. Tỷ lệ lao động được làm việc trong các doanh nghiệp khai thác mỏ tại địa phương

Lý do tham gia hoạt động khoáng sản chủ yếu là do nông nhân (67,8%), thiếu đất canh tác (22,5%) và chỉ có 3 hộ (10,7%) tham gia khai thác khoáng sản do có thu nhập từ hoạt động này cao hơn các hoạt động sản xuất khác. Có khoảng 17% số hộ có 2 người tham gia hoạt động khoáng sản với thời gian từ 4 đến 6 tháng/năm.

Công việc chính của những lao động địa phương tham gia khai thác mỏ chủ yếu là khoan, nổ mìn, vận chuyên quặng, cắt xẻ đá,... với mức thu nhập bình quân từ 100.000đ đến 120.000đ/người/ ngày. Điều đáng lưu ý là quyền lợi của người lao động tại các khu mỏ chưa được đảm bảo. Có tới 75% ý kiến cho biết họ (hoặc người nhà) không được ký hợp đồng lao động, số còn lại chỉ được ký hợp đồng lao động thời vụ. Điều này cũng phù hợp với số liệu thu thập được từ kết quả kiểm tra của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Nghệ An tại các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu: 14% doanh nghiệp không ký hợp đồng lao động với người lao động và 50% ký không đúng loại hợp đồng. Hầu hết các doanh nghiệp chỉ ký với người lao động loại hợp đồng theo kiểu thời vụ (dưới 3 tháng hoặc từ 3 đến 12 tháng). Trên thực tế, các cơ quan chức năng cũng không thể nắm được số lao động làm việc tại các mỏ khoáng sản do doanh nghiệp thuê lao động làm công, không có hợp đồng lao động và số lao động làm việc tại các mỏ cũng tăng giảm tùy theo thời điểm. Việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động cũng chỉ mang tính đối phó với các cơ quan quản lý Nhà nước (có doanh nghiệp chỉ đóng cho 5/80 người, có doanh nghiệp đóng cho 8/67 người...) (Sở Lao động TBXH, 2012). Do không được ký hợp đồng lao động, không được đóng bảo hiểm nên khi có tai nạn xảy ra quyền lợi của người lao động không được đảm bảo.

3.3.2. Lợi ích của cộng đồng địa phương chưa được đảm bảo

Các doanh nghiệp khai thác mỏ được chờ đợi sẽ góp phần cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng trong khu vực. Chính sách khoáng sản hiện hành cũng khuyến khích các doanh nghiệp khai thác mỏ đóng góp vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng như đường giao thông, trường học và bệnh viện tại địa phương. Tuy nhiên, do không được quy định rõ ràng nên trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp

tại địa phương không cao. Bên cạnh đó, điều kiện hạ tầng tại các xã khảo sát chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất công nghiệp, việc vận chuyển khoáng sản của doanh nghiệp khai thác mỏ đã làm hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có hư hại, xuống cấp (bảng 2). Tình lộ 532 nối huyện lỵ Quỳnh Hợp đi các xã Châu Quang, Châu Thành, Châu Hồng, Châu Tiến là trục giao thông huyết mạch của huyện bị hư hỏng nghiêm trọng một phần do những chiếc xe siêu tải vận chuyển khoáng sản (đá trắng). Hơn 80% số người được hỏi (244/300 phiếu) cho rằng hoạt động khoáng sản là nguyên nhân làm xuống cấp cơ sở hạ tầng của địa phương. Chỉ có 2,7% số người cho rằng không ảnh hưởng và 6,3% số người được phỏng vấn cho rằng cơ sở hạ tầng được nâng cấp khi có hoạt động khai thác khoáng sản.

Bảng 2. Tác động của hoạt động khai thác mỏ tại địa phương

Xã	Số doanh nghiệp khai thác mỏ	Tác động tiêu cực	Đóng góp của các doanh nghiệp
Châu Cường	10	Hệ thống giao thông bị xuống cấp	Nhà văn hóa, công làng
Châu Hồng	18	Ảnh hưởng hệ thống tiêu thoát nước, tắc nghẽn dòng chảy	Xây nhà mẫu giáo
Châu Tiến	8	Sụt lún đường giao thông	Xây dựng nhà văn hóa
Châu Hạnh	17	Hệ thống đường giao thông xuống cấp	Làm đường nông thôn
Hội Sơn	6	Phát tán bụi, lầy lội	Xây dựng trường học

Kết quả phỏng vấn nhanh cán bộ các xã điều tra cho thấy, đối với các doanh nghiệp có quy mô khai thác nhỏ, việc đóng góp cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng là không đáng kể. Các doanh nghiệp lớn có quan tâm nhiều hơn trong việc nâng cấp cơ sở hạ tầng trong khu vực, tuy nhiên mức độ đóng góp cũng chưa thực sự tương xứng với thời gian và quy mô của dự án khai thác. Bên cạnh đó, có tới 50% số doanh nghiệp chưa thực hiện việc thuê đất, ký quỹ môi trường, việc khai thác chưa tuân thủ đúng thiết kế mỏ đã được thẩm định phê duyệt, một số đơn vị khai thác xong không chịu xử lý và bàn giao lại nguyên trạng khu vực trước khi khai thác (Sở TN&MT, 2012, 2014).

Người dân vùng mỏ chưa được hỗ trợ trực tiếp về trích từ nguồn thu hoạt động khoáng sản để phát triển kinh tế xã hội địa phương, trong khi phải chịu hậu quả về môi trường và những áp lực do hoạt động khoáng sản gây ra. Theo Nghị định 63/2008/NĐ-CP, toàn bộ tiền phí bảo vệ môi trường được đưa vào ngân sách địa phương nhằm thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, 100% số cán bộ tại 5 xã khảo sát khi được hỏi về việc chính quyền xã có nhận được tiền điều tiết từ hoạt động khoáng sản trên địa bàn xã (gồm cả phí tài nguyên và thuế môi trường) đều khẳng định họ không nhận được tiền điều tiết từ chính quyền cấp trên. Do các địa phương không được điều tiết các khoản thu từ hoạt động khai thác mỏ nên họ cũng chưa được đầu tư tương xứng so với các tổn thất về môi trường và xã hội.

3.3.3. Hoạt động khoáng sản làm gia tăng các rủi ro đối với cộng đồng

Hoạt động khai thác mỏ có thể tăng khả năng bị rủi ro và tổn thương của một nhóm cộng đồng dân cư trong khu vực, có thể tước đi cơ hội có thu nhập bền vững của người nghèo. Các mỏ khoáng sản ở miền Tây Nghệ An thường nằm ở vùng sâu, vùng xa nơi người dân chủ yếu phụ thuộc nông - lâm nghiệp. Hoạt động khai thác mỏ sử dụng một số nguồn tài nguyên như đất, rừng và nước mà cuộc sống của người nghèo lại trực tiếp phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên đó. Số liệu thống kê cho thấy hoạt động khai thác mỏ ở Quỳnh Hợp đã chiếm dụng 200 ha đất nông nghiệp và làm mất 85 ha rừng. Con số này ở Quỳnh Châu tương ứng là 198,3 ha và 174 ha. Có 98/300 hộ phỏng vấn bị mất đất sản xuất, chiếm 32,7%, trong đó lý do bị thu hồi do khai thác khoáng sản chiếm gần 1/5. Có 55/98 hộ dân được đền bù khi bị mất đất sản xuất (chiếm tỉ lệ 56,1%). Còn lại là các hộ không được đền bù hoặc không biết rõ mình có được đền bù không. Theo quy định bảng giá đất của UBND tỉnh Nghệ An, diện tích đất của người dân bị chiếm dụng chỉ được đền bù theo các mức giá khác nhau từ 500đ/m² đến 58.000đ/m² tùy thuộc loại đất (UBND tỉnh Nghệ An, 2012). Các doanh nghiệp giải thích họ chỉ thuê đất trong thời gian khai thác từ 3 đến 5 năm nên không hỗ trợ gì thêm cho các hộ dân. 100% số hộ bị chiếm dụng đất đều không hài lòng với mức đền bù này. Như vậy, đối với những hộ bị mất đất và được đền bù thì mức giá

đền bù không làm họ hài lòng, nếu không được đền bù họ cũng khó có cơ may được bố trí đất khác để tiếp tục sản xuất do quỹ đất đã hết. Số tiền đền bù thấp chỉ đủ chi tiêu và trả nợ hằng ngày hoặc mua sắm thêm đồ dùng tiện nghi, khó có thể dùng để tái đầu tư sản xuất.

Tại các xã điều tra, phần lớn diện tích ruộng bậc thang của người dân đã bị chiếm dụng, số ruộng nước ít ỏi cũng bị mất dần do bùn thải khai thác khoáng sản xả xuống (bảng 3).

Bảng 3. Diện tích đất, rừng bị chiếm dụng/suy thoái ở một số mỏ khai thác ở Quỳnh Hợp

Xã	Diện tích rừng bị mất/suy thoái	Diện tích đất nông nghiệp bị chiếm dụng, tràn lấp (ha)
Châu Cường	12	8
Châu Hồng	8	7
Châu Tiến	7	4
Châu Hạnh	15	13
Hội Sơn	3	2

Đặc biệt, tình trạng khai thác quặng thiếc, đá ô ạt (cả có phép lẫn không phép) trong những năm vừa qua đã gây ô nhiễm nặng dòng sông Dinh, suối Cà, suối Nậm. Tại Châu Hạnh, 17 doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản đã làm 20% diện tích đất sản xuất của xã bị ô nhiễm nguồn nước phải bỏ hoang, hơn 600 hộ dân thiếu nước sinh hoạt.

Hoạt động khai khoáng tuy có tạo thêm việc làm và tạo điều kiện phát triển thêm các dịch vụ kèm theo nhưng cũng không đảm bảo được việc làm cho cộng đồng địa phương. Mặt khác, những tác động bất lợi từ hoạt động khai khoáng đến nguồn nước (ô nhiễm, suy giảm...), đất sản xuất (ô nhiễm, bị đất đá, bùn cát,... xâm lấn) có tác động không nhỏ đến năng suất cây trồng, vật nuôi. Việc đền bù, bồi thường thiệt hại mới chỉ đáp ứng phần nào nhu cầu trước mắt mà chưa đảm bảo ổn định sinh kế lâu dài cho người dân. Để tồn tại, nhiều lao động ở đây buộc phải phá rừng làm rẫy hoặc tham gia khai thác quặng trái phép, số hộ nghèo hoặc tái nghèo ở những xã này có thời điểm chiếm tỷ lệ từ 40% đến 45%. Hiện tại, tỷ lệ hộ nghèo tại các xã khảo sát tuy đã giảm nhờ các chương trình xóa đói giảm nghèo như Chương trình 135, Chương trình giảm nghèo theo Nghị quyết 30a nhưng tỷ lệ nghèo vẫn còn cao và chiếm từ 48% đến 55%.

Tại các điểm khai thác đá xây dựng, đá ốp lát, các rủi ro chủ yếu liên quan đến vấn đề môi

trường. Công đoạn nổ mìn bóc vỉa trong quá trình khai thác đã gây rung chấn khu vực xung quanh. Ở Hội Sơn, Châu Tiến, Châu Cường, một số ngôi nhà nằm trong bán kính 200m từ mỏ đá đã bị nứt do rung chấn. Các hộ dân sinh sống trong bán kính 500m từ khu vực khai thác cùng khách qua đường có nhiều nguy cơ chịu rủi ro tai nạn do hoạt động khai thác mỏ.

Một trong những vấn đề đáng chú ý khác là các tác động môi trường từ khai thác mỏ. Quá trình khoan, nổ mìn, tuyển và chế biến quặng kim loại có thể đã phát sinh bụi và các chất độc hại khác nên đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của dân cư sinh sống tại các vùng khai thác mỏ. Kết quả điều tra cộng đồng dân cư khu vực các khu vực mỏ ở Anh Sơn, Quỳnh Châu và Quỳnh Hợp cho thấy, tỷ lệ người mắc các bệnh như viêm phế quản mãn tính chiếm 60%, các bệnh ngoài da chiếm 50%; các bệnh về mắt, khó thở chiếm tới 40%.

3.3.4. Sự tham gia của cộng đồng chưa được chú trọng

Mặc dù hoạt động khai thác khoáng sản đã và đang được tiến hành tại các địa bàn phỏng vấn, nhưng đa số người trả lời (chiếm 72,7% tổng số phiếu) cho rằng gia đình họ và cộng đồng đứng ngoài lề khi các dự án khai thác khoáng sản được tiến hành tại địa phương. Theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường, trước khi được cấp phép, chủ dự án khai thác mỏ cần lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Các vấn đề về môi trường, xã hội, các rủi ro cần được xác định trong báo cáo cùng các biện pháp giảm thiểu tác động khả thi và phù hợp. Cộng đồng dân cư cần được thông báo về nội dung cũng như những ảnh hưởng của dự án. Để được chấp thuận, thông qua tham vấn cộng đồng, dự án cần lấy được ý kiến của người dân trong khu vực. Các vấn đề khác như đền bù đất, lấp đất dây chuyền công nghệ mới, mở rộng sản xuất cũng cần phải được thông qua ý kiến của người dân và chính quyền địa phương. Tuy nhiên trên thực tế, tại tất cả các điểm mỏ được khảo sát, hơn 95% người dân sống liền kề không biết về việc tham vấn cộng đồng trong giai đoạn đánh giá tác động môi trường của dự án. Có tới 80% số cán bộ xã được hỏi cho biết họ không được tiếp cận với báo cáo đánh giá tác động môi trường và không nắm được các thông tin về việc tham vấn cộng đồng trong giai đoạn xây dựng dự án.

Sự thiếu minh bạch, thiếu đầy đủ khi công bố thông tin về các hoạt động khai khoáng của doanh nghiệp cũng như chính quyền địa phương đã và đang góp phần tước đi cơ hội để người dân góp ý và giám sát các dự án khai khoáng.

4. Kết luận

Miền Tây Nghệ An là khu vực tập trung nhiều cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, trong đó có bao gồm cả các cơ sở có phép và không có phép. Các hoạt động khai thác, chế biến thiếc, đá hoa trắng tập trung chủ yếu trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy hoạt động khai thác khoáng sản chưa mang lại những hiệu quả tích cực cho cộng đồng dân cư địa phương. Đa số lao động địa phương không được tuyển dụng, hoặc được tuyển dụng với số lượng ít, quyền lợi người lao động không được đảm bảo (không có hợp đồng lao động, công việc không thường xuyên).

Hoạt động khai thác khoáng sản đã chiếm dụng hoặc làm suy thoái một phần diện tích đất và rừng tại địa phương, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của người dân trong khi mức đền bù còn thấp so với yêu cầu của những người bị mất đất.

Việc đóng góp, hỗ trợ của các doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản đối với chính quyền và cộng đồng dân cư địa phương còn hạn chế trong khi cơ sở hạ tầng địa phương bị xuống cấp do tác động của quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản.

Tiếng nói và vai trò của người dân trong việc giám sát các hoạt động khai thác khoáng sản chưa được phát huy do không được tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp khai khoáng. Người dân sinh sống xung quanh khu vực có hoạt động khai thác khoáng sản phải đối mặt với những rủi ro khác như tai nạn, sức khỏe giảm sút...

Để đảm bảo quyền lợi của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác, việc áp dụng Sáng kiến Minh bạch công nghiệp khai thác (EITI) là cần thiết. Đây cũng chính là công cụ hữu

ích giúp quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

Lời cảm ơn

Bài báo là một phần kết quả nghiên cứu của Dự án điều tra cơ bản mã số: VAST.ĐTTCB-04/14-15 mà tác giả là một trong các thành viên thực hiện. Tác giả xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, cảm ơn sự cộng tác và giúp đỡ của các đồng nghiệp trong quá trình hoàn thành công trình này.

Tài liệu dẫn

- Cục Thống kê Nghệ An, 2014: Niên giám thống kê Nghệ An 2013.
- Pegg, S., 2003: Poverty Reduction Or Poverty Exacerbation?: World Bank Group Support for Extractive Industries in Africa; a Report, Available at: <http://books.google.com.vn/books?id=QZj8cQAACAAJ>.
- Sở Công thương Nghệ An, 2009: Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong giai đoạn 2009 - 2020.
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội Nghệ An, 2012: Báo cáo kết quả kiểm tra An toàn lao động trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản Nghệ An.
- Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An, 1994: Sổ mô và điểm quặng Nghệ An.
- Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An, 2006: Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng và quy hoạch thăm dò, khai thác đá vôi trắng vùng Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Tân Kỳ và Con Cuông tỉnh Nghệ An.
- Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An, 2006: Báo cáo tài nguyên khoáng sản tỉnh Nghệ An.
- Sở Tài nguyên & Môi trường Nghệ An, 2012: Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường.
- Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An, 2013: Báo cáo kiểm tra, thanh tra các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn Nghệ An của Sở TN&MT, Phòng Cảnh sát môi trường - Công an tỉnh Nghệ An.
- Sở Tài nguyên & Môi trường Nghệ An, 2014: Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên

Tạp chí Các Khoa học về Trái Đất, 37 (3), 213-221

- khoáng sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2015, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2016 - 2020.
- UBND huyện Quỳnh Hợp, 2014: Báo cáo công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp từ năm 2011 đến năm 2013.
- UBND huyện Quỳnh Hợp, 2015: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát của Ban Kinh tế và Ngân sách HDDND tỉnh trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp.
- UBND tỉnh Nghệ An, 2004: Đề án quy hoạch phát triển công nghiệp khai thác và chế biến đá vôi trắng tỉnh Nghệ An đến năm 2015.
- UBND tỉnh Nghệ An, 2012: Quyết định số 97/2012/QĐ.UBND ngày 27 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Bảng giá các loại đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh.